

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Phước Hòa

2. Ông Nguyễn Thành Lễ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Duy A, sinh năm: 1975; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh TN. Có mặt

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số 85 Đường N, khu phố A, Phường X, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Duy A trình bày:

Anh với chị Lê Thị H chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ 2014 do không phù hợp về tính cách và nhiều lý do khác. Năm 2016, anh đã yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H nhưng sau đó rút đơn lại để vợ chồng hàn gắn. Sau khi rút đơn về, vợ chồng hàn

gắn được một thời gian sau đó lại tiếp tục mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc, tài sản và một số vấn đề tế nhị khác, anh chị đã ly thân tuyệt đối từ tháng 12/2019 đến nay. Anh thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, khi anh vào trong đơn vị ở, chị H có vào tìm gây sự nên anh có đánh chị H tại đơn vị. Anh nhận thấy vợ chồng đã không còn tình cảm gì nữa, không thể hàn gắn được, sống với nhau quá nặng nề không có ý nghĩa gì nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên là Đỗ Ngọc Tường V, sinh ngày 28/10/2010. Hiện nay cháu đang sống với chị H. Anh đề nghị con theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu con theo chị H, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, con ở với anh thì anh nuôi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị có vay tiêu dùng tại ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế X - Chi nhánh Tây Ninh số tiền 570.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung chị đồng ý theo lời trình bày của anh A. Chị thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, năm 2016 anh A có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng sau đó hai vợ chồng đã hòa thuận lại, anh A rút đơn khởi kiện và vợ chồng chung sống hạnh phúc, tới năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn tiếp; nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do anh A không chung thủy, không chăm lo cho mẹ con chị. Chị không đồng ý ly hôn. Chị cho rằng, anh A có chơi bời gì thì vài năm nữa cũng về với gia đình vợ con nên chị đồng ý chờ anh A quay về cho con có cơ hội có đầy đủ cha mẹ. Trong trường hợp chị không níu kéo được anh A trở về với gia đình vợ con thì Tòa án giải quyết sao chị đồng ý như vậy.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho chị và anh A ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, ngày 28/8/2020 chị H yêu cầu giải quyết phần tiền giữa chị và anh A, cụ thể chị yêu cầu anh A trả cho chị tổng cộng 700.000.000 đồng, cụ thể là tiền mua vật dụng trong nhà, tiền anh A tự động lấy của chị khi chị để trong xe ô tô và tiền chị đưa cho anh A gửi về quê xây nhà cho cha mẹ anh A.

Tại phiên tòa, anh A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu 18 tuổi. Chị H không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa hòa giải cho vợ chồng chị đoàn tụ. Nếu anh A không muốn đoàn tụ, nhất quyết ly hôn thì chị yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con và trả cho chị số tiền 520.000.000 đồng mà chị đã đưa cho anh A gửi về quê xây nhà cho cha mẹ anh A. Anh A đồng ý trả cho chị Hai số tiền 200.000.000 đồng mà chị H đã gửi cho em gái anh A, không đồng ý trả 520.000.000 đồng như chị H yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Anh A và chị H đăng ký kết hôn ngày 10/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhất là anh A mặc dù chị H tha thiết đề nghị được đoàn tụ, chấp nhận chờ đợi anh A quay về với vợ con nhưng anh A không đồng ý. Anh A và chị H đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, hiện nay đã sống riêng qua đó cho thấy, anh A và chị H đã có mâu thuẫn trầm trọng trong mối quan hệ hôn nhân. Tình cảm vợ chồng giữa anh chị không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh A, cho anh A được ly hôn với chị H. Con chung: Anh A và chị H có 01 người con chung tên Đỗ Ngọc Tường V, sinh ngày 28/10/2010. Hiện nay cháu đang sống với chị H. Cháu V có nguyện vọng được sống với chị H và anh A đồng ý giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, anh A đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 3.000.000 đồng và chị H đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đỗ Duy A khởi kiện chị Lê Thị H về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H cư trú tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế X - Chi nhánh Tây Ninh không có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng tín dụng đối với số tiền anh A và chị H vay. Do anh A, chị H và Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế X - Chi nhánh Tây Ninh không có yêu cầu giải quyết số tiền nợ; Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế X - Chi nhánh Tây Ninh có đơn xin không tham gia tố tụng nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh không đưa Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế X - Chi nhánh Tây Ninh vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Duy A và chị Lê Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh A và chị H đều khai thống nhất, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 4 năm thì đã có phát sinh mâu thuẫn. Năm 2016, anh A đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn sau đó rút đơn khởi kiện lại cho vợ chồng cơ hội hàn gắn và anh chị đã hàn gắn chung sống với nhau tới năm 2019. Tình cảm vợ chồng là mối quan hệ được hình thành và ràng buộc bởi nhu cầu tình cảm của vợ và chồng nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhận thấy anh A và chị H tự nguyện đến với nhau, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh những mâu thuẫn nhưng anh chị đã tự dung hòa, tìm ra hướng giải quyết để giữ được mái ấm gia đình. Anh chị thừa nhận mâu thuẫn gây gắt và ly thân cuối năm 2019 và một số lý do tế nhị trong cách ứng xử với nhau. Chị H tha thiết yêu cầu không ly hôn để cho con có mái nhà đủ cả cha lẫn mẹ và chấp nhận chờ đợi anh A suy nghĩ lại do đó Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn của anh chị chưa tới mức trầm trọng, vẫn còn có thể hàn gắn được căn nên cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu của anh A và lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, không cho anh A ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Anh A và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với nợ chung: Anh A và chị H có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế X - Chi nhánh Tây Ninh số tiền 570.000.000 đồng. Trong vụ án này, anh A, chị H và Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế X - Chi nhánh Tây Ninh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh A trả cho chị số tiền 520.000.000 đồng nếu Tòa án chấp nhận cho anh A và chị ly hôn Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của anh chị H phát sinh sau khi Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 200 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Duy A đối với chị Lê Thị H về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung”

Không cho anh Đỗ Duy A ly hôn với chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Do không cho anh Đỗ Duy A và chị Lê Thị H ly hôn nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đỗ Duy A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000192 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh A đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- THADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa